



luò tuo

骆驼

noun · camel

Example Sentences

luò tuo zài shā mò zhōng xíng zǒu hěn wǎn

骆驼在沙漠中行走很稳。

Camels walk steadily in the desert.

zhè zhī luò tuo bèi shàng yǒu liǎng gè tuó fēng

这只骆驼背上有两个驼峰。

This camel has two humps on its back.

Trace each character, then write the word on your own.

骆 骆 骆 骆 骆 骆 骆 骆 骆 骆 骆

駱

驼 驼 驼 驼 驼 驼 驼 驼 驼 驼 驼